

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ~~170~~ /2013/NĐ-CP

Hà Nội, ngày ~~13~~ tháng 11 năm 2013

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Số: ... <i>C</i>
	Ngày: <i>19/11</i>

NGHỊ ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2007/NĐ-CP ngày 15 tháng 02 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số và Nghị định số 106/2011/NĐ-CP ngày 23 tháng 11 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2007/NĐ-CP ngày 15 tháng 02 năm 2007

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật giao dịch điện tử ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông,

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2007/NĐ-CP ngày 15 tháng 02 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số và Nghị định số 106/2011/NĐ-CP ngày 23 tháng 11 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2007/NĐ-CP ngày 15 tháng 02 năm 2007.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2007/NĐ-CP ngày 15 tháng 02 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số

1. Bổ sung các khoản 18, 19, 20 và 21 vào sau Khoản 17 Điều 3 như sau:

"18. Chứng thư số, chữ ký số nước ngoài được công nhận là chứng thư số, chữ ký số do tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số nước ngoài được Bộ Thông tin và Truyền thông công nhận, cấp.

19. Chứng thư số nước ngoài được chấp nhận tại Việt Nam là chứng thư số chưa được công nhận tại Việt Nam nhưng được Bộ Thông tin và Truyền thông cấp giấy phép sử dụng.

20. Chữ ký số nước ngoài được chấp nhận tại Việt Nam là chữ ký số được tạo ra bởi cặp khóa tương ứng với chứng thư số nước ngoài được chấp nhận tại Việt Nam.

21. Chứng thư số nước ngoài được chấp nhận trong giao dịch quốc tế là chứng thư số nước ngoài của thuê bao nước ngoài không hiện diện tại Việt Nam có hiệu lực trên các thông điệp dữ liệu gửi tới đối tác là cơ quan, tổ chức Việt Nam."

2. Bổ sung các điểm g, h, I và k vào sau Điểm e Khoản 1 Điều 6 như sau:

"g) Thực hiện quản lý thuê bao, chứng thư số nước ngoài được chấp nhận tại Việt Nam;

h) Ban hành quy định về xác thực chéo giữa các tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số;

i) Kiểm tra và quản lý thông tin các hoạt động sử dụng chứng thư số nước ngoài được chấp nhận tại Việt Nam;

k) Kiểm tra và quản lý thông tin về các hoạt động có chấp nhận chứng thư số nước ngoài được chấp nhận trong giao dịch quốc tế."

3. Sửa đổi Khoản 3 và bổ sung Khoản 4 vào sau Khoản 3 Điều 8 như sau:

"3. Chữ ký số và chứng thư số của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số nước ngoài được công nhận theo quy định tại Nghị định này có giá trị pháp lý và hiệu lực như chữ ký số và chứng thư số do tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng của Việt Nam cấp.

4. Chữ ký số và chứng thư số nước ngoài được chấp nhận tại Việt Nam theo quy định tại Nghị định này có giá trị pháp lý và hiệu lực như chữ ký số và chứng thư số do tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng của Việt Nam cấp nhưng với giới hạn về phạm vi sử dụng theo quy định tại Khoản 4 Điều 52a Nghị định này."

4. Thay thế Điều 52 như sau:

"Điều 52. Công nhận tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số nước ngoài

1. Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số nước ngoài được Bộ Thông tin và Truyền thông cấp giấy công nhận thì chữ ký số và chứng thư số do tổ chức này cấp được công nhận.

2. Tổ chức được cấp giấy công nhận tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số nước ngoài khi đáp ứng các điều kiện sau:

a) Quốc gia mà tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số đó đăng ký hoạt động có ký kết hoặc tham gia điều ước quốc tế có quy định về việc công nhận chữ ký số và chứng thư số nước ngoài mà Việt Nam có tham gia;

b) Thành lập và hoạt động hợp pháp tại quốc gia mà tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số nước ngoài đăng ký hoạt động;

c) Đáp ứng Danh mục tiêu chuẩn bắt buộc áp dụng về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành hoặc các tiêu chuẩn quốc tế về chữ ký số được Bộ Thông tin và Truyền thông trong quá trình thẩm tra hồ sơ xác định có độ an toàn thông tin tương đương;

d) Có văn phòng đại diện tại Việt Nam."

5. Bổ sung Điều 52a và Điều 52b vào sau Điều 52 như sau:

"Điều 52a. Chấp nhận chứng thư số nước ngoài tại Việt Nam

1. Chứng thư số nước ngoài được chấp nhận tại Việt Nam khi thuê bao được Bộ Thông tin và Truyền thông cấp giấy phép sử dụng chứng thư số đó.

2. Thời hạn giấy phép sử dụng chứng thư số nước ngoài được chấp nhận tại Việt Nam không quá 5 năm.

3. Đối tượng được xin cấp giấy phép sử dụng chứng thư số nước ngoài được chấp nhận tại Việt Nam bao gồm:

a) Doanh nghiệp có 100% vốn đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật;

b) Tổ chức nước ngoài, cơ quan đại diện nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.

4. Phạm vi sử dụng chứng thư số nước ngoài được chấp nhận tại Việt Nam:

a) Các giao dịch thuộc phạm vi hoạt động, kinh doanh của các đối tượng thuộc quy định tại Khoản 3 Điều này;

b) Các giao dịch điện tử đặc thù do Bộ Thông tin và Truyền thông quy định.

Điều 52b. Điều kiện sử dụng chứng thư số nước ngoài được chấp nhận

1. Thuê bao sử dụng chứng thư số nước ngoài được chấp nhận tại Việt Nam:

a) Thuộc đối tượng quy định tại Khoản 3 Điều 52a Nghị định này và có thông tin về thuê bao tại một trong các văn bản sau đây xác thực thông tin trên chứng thư số:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đầu tư;
- Văn bản của cơ quan có thẩm quyền cho phép tổ chức nước ngoài, cơ quan đại diện nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam;
- Trường hợp được ủy quyền, phải có ủy quyền, cho phép hợp pháp sử dụng chứng thư số và thông tin về thuê bao được cấp chứng thư số phải phù hợp với thông tin trong văn bản ủy quyền, cho phép.

b) Đối với chứng thư số máy chủ, thuê bao sở hữu phải đáp ứng điều kiện quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này và thông tin sở hữu tên miền, thông tin máy chủ, địa chỉ mạng công cộng gán cho máy chủ phải phù hợp với thông tin trên chứng thư số.

2. Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số nước ngoài có chứng thư số được chấp nhận tại Việt Nam:

a) Điểm b và Điểm c Khoản 2 Điều 52;

b) Được doanh nghiệp kiểm toán chứng nhận hoạt động nghiệp vụ tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế có uy tín về dịch vụ chứng thực chữ ký số.

3. Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số nước ngoài có chứng thư số được chấp nhận trong giao dịch quốc tế phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 52 và Điểm b Khoản 2 Điều này.

Các cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp lựa chọn, chịu trách nhiệm về việc chấp nhận chứng thư số nước ngoài được chấp nhận trong giao dịch quốc tế và gửi chứng thư số đó tới Bộ Thông tin và Truyền thông để quản lý."

6. Bổ sung Điều 53a vào sau Điều 53 như sau:

"Điều 53a. Hồ sơ cấp giấy phép sử dụng chứng thư số nước ngoài được chấp nhận tại Việt Nam

Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép sử dụng chứng thư số nước ngoài được chấp nhận tại Việt Nam được lập thành 06 bộ (02 bộ chính và 04 bộ sao), mỗi bộ hồ sơ chính gồm có:

1. Đơn đề nghị cấp giấy phép sử dụng chứng thư số nước ngoài được chấp nhận tại Việt Nam của thuê bao.

2. Các văn bản giải trình, chứng minh đáp ứng đủ điều kiện quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 52b Nghị định này.

3. Kế hoạch sử dụng chứng thư số nước ngoài, trong đó bao gồm các giao dịch điện tử và đối tượng được giao dịch có sử dụng chứng thư số nước ngoài được đề nghị chấp nhận tại Việt Nam.